

TÌNH HÌNH KẾ TOÁN

ÁP DỤNG CHO CÁC DOANH NGHIỆP VIỆT NAM VÀ NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG CHO SỰ PHÁT TRIỂN TRONG THỜI GIAN TỚI



PGS.TS. VÕ VĂN NHỊ* & TS. NGUYỄN THỊ KIM CÚC**

1. Tình hình doanh nghiệp VN

Doanh nghiệp ở VN không ngừng phát triển về số lượng, quy mô, hiệu quả hoạt động, ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh và là đối tượng quan trọng, chủ yếu đóng góp vào nguồn thu của ngân sách quốc gia. Vai trò của doanh nghiệp đối với nền kinh tế và xã hội là hết sức quan trọng, chi phối đến mọi ngóc ngách của cuộc sống cũng như đến hệ thống pháp luật và tất cả các chính sách phát triển đất nước trong ngắn hạn lẫn trong dài hạn.

Doanh nghiệp VN đang không ngừng lớn mạnh và đang tăng cường được khả năng cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường.

Tình hình doanh nghiệp VN hiện nay được trình bày tóm lược như sau:

- Số lượng doanh nghiệp tăng theo từng ngày nhưng đại bộ phận là doanh nghiệp vừa và nhỏ, thậm chí rất nhiều doanh nghiệp có quy mô siêu nhỏ. Theo các nguồn thông tin công bố thì số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa khoảng trên dưới 500.000 doanh nghiệp (chiếm khoảng 95% trong tổng số doanh nghiệp hiện có ở VN)

- Hình thức sở hữu khá đa dạng nhưng sở hữu nhà nước chỉ tập trung ở các doanh nghiệp lớn hoặc siêu lớn (tập đoàn kinh tế), còn ở các doanh

nh nghiệp vừa và nhỏ thì hầu hết thuộc sở hữu tư nhân (doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH). Các hình thức sở hữu còn lại tập trung ở một số doanh nghiệp lớn và trung bình.

- Về lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh, tính cho đến nay thì doanh nghiệp VN có đủ khả năng và đã tham gia đầy đủ vào mọi hoạt động, kể cả những hoạt động đòi hỏi công nghệ cao, phức tạp. Tuy nhiên các doanh nghiệp vừa và nhỏ vẫn mới tập trung vào sản xuất công nghiệp có công nghệ đơn giản trong đó hoạt động thương mại và dịch vụ khá nở rộ trong những năm gần đây.

- Về cơ sở vật chất – kỹ thuật và công nghệ thì ngoài một số doanh nghiệp có quy mô trung bình và lớn được chú trọng đầu tư và đổi mới đúng mức để đạt được tầm cỡ khu vực, đại bộ phận doanh nghiệp còn lại vẫn chưa có điều kiện đầu tư, đổi mới nên công nghệ còn lạc hậu, cơ sở vật chất – kỹ thuật còn nghèo nàn. Do vậy hiệu quả hoạt động chưa cao, khả năng cạnh tranh còn yếu chưa thể vươn mạnh ra các nước khu vực và toàn cầu.

- Về công tác quản lý điều hành doanh nghiệp thì còn nhiều hạn chế về nhận thức, và trình độ chuyên môn. Bên cạnh đó các chính sách quản lý vĩ mô còn nhiều ràng buộc, thiếu linh hoạt đồng thời sự hỗ trợ về phía Nhà nước đối với doanh nghiệp còn mang nặng tính hình thức, cục bộ nên

* Trường Đại học Kinh tế TP.HCM

** Trường Đại học Thương mại

càng gây ra nhiều khó khăn, lúng túng cho doanh nghiệp trong quản lý, điều hành làm ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả kinh doanh.

Để doanh nghiệp VN có thể phát triển nhanh chóng, tăng cường được khả năng cạnh tranh và hội nhập toàn cầu thì doanh nghiệp và Nhà nước cần phải có những giải pháp đồng bộ để tác động đến môi trường, điều kiện, năng lực hoạt động. Trong các giải pháp tác động thì giải pháp liên quan đến hệ thống thông tin kinh tế nói chung và hệ thống thông tin kế toán nói riêng, cũng có ý nghĩa hết sức quan trọng.

2. Chế độ kế toán áp dụng

Hiện nay, các doanh nghiệp ở VN thực hiện chế độ kế toán theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 hoặc theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 nếu là doanh nghiệp vừa và nhỏ. Việc ban hành đồng thời hai CĐKT để áp dụng cho doanh nghiệp với quy mô khác nhau, nếu xét về mặt hình thức thì có vẻ hợp lý nhưng nếu xét về nội dung tổ chức, giải quyết nhu cầu thông tin cũng như yêu cầu thống nhất và ổn định thì nó lại bộc lộ rất nhiều điểm không hợp lý, không khả thi, tạo ra nhiều khó khăn, lúng túng cho doanh nghiệp; mà đặc biệt ở VN, doanh nghiệp vừa và nhỏ chiếm hơn 95%.

Theo nghiên cứu và khảo sát từ nhiều nguồn tài liệu thì tỷ lệ DN NVV rất lớn nhưng tỷ lệ doanh nghiệp áp dụng CĐKT theo QĐ 15 lại không nhỏ. Đây là điểm mâu thuẫn và mâu thuẫn này bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân trong đó nguyên nhân quan trọng là các doanh nghiệp đều thấy rằng việc thực hiện kế toán theo QĐ 15 tạo ra được nhiều thông tin hơn và không đưa ra yêu cầu kế toán chi tiết quá nhiều.

Mặt khác, về mặt khoa học việc ban hành và áp dụng đồng thời hai CĐKT có nhiều điểm tương đồng, còn những điểm khác biệt chỉ là sự cắt xén, lắp ghép hoặc gộp lại cho ra vẻ đơn giản, bớt nặng nề là một việc làm hết sức cảm tính và không có cơ sở khoa học. Chính điều này bắt buộc nơi áp dụng phải có chọn lựa CĐKT phù hợp cho dù quy mô của doanh nghiệp theo quy định phải áp dụng CĐKT này hoặc CĐKT khác. Như vậy tính hiệu lực của CĐKT được ban hành không được các doanh nghiệp tôn trọng cũng chẳng có cơ quan

nào xử lý vấn đề này.

3. Đánh giá

Khi ban hành chế độ kế toán theo QĐ 48, Bộ Tài chính nhận định chế độ kế toán này được thiết kế, xây dựng để phù hợp với nền kinh tế thị trường, tuân thủ chuẩn mực kế toán được ban hành, phù hợp với thông lệ quốc tế về kế toán, phù hợp với đặc điểm kinh tế, yêu cầu và trình độ quản lý của doanh nghiệp nhỏ và vừa. Đặc biệt là chế độ kế toán này được xây dựng theo phương châm dễ hiểu, dễ làm, minh bạch, công khai, dễ kiểm tra, kiểm soát.

Những nhận định này nếu xét về mặt hình thức và về tổng thể thì có vẻ khá hợp lý và đúng đắn, nhưng nếu xét về tính hệ thống và khoa học thì nhận định này bộc lộ tính một chiều, nặng về cảm tính của cơ quan và những người soạn thảo chế độ kế toán bởi ngay trong định hướng xây dựng và phương châm đề ra đã hàm chứa những điều mâu thuẫn, khó có thể thực hiện một cách đầy đủ và đồng bộ.

Sau đây là một số đánh giá cụ thể:

- Về mặt lịch sử thì tiền thân của QĐ15 là QĐ1141 được ban hành để áp dụng cho các doanh nghiệp trong cả nước. Sau đó một thời gian mới ban hành QĐ144 để áp dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Do vậy lúc này đã có rất nhiều doanh nghiệp nhỏ và vừa áp dụng chế độ kế toán theo QĐ1141 và không bắt buộc chuyển sang thực hiện chế độ kế toán theo QĐ144 (hiện tại được thay đổi bằng QĐ 48). Hơn nữa vào lúc đó và kể cả đến lúc này, tiêu chuẩn về doanh nghiệp nhỏ và vừa vẫn còn chưa được quy định một cách rõ ràng, cụ thể, thống nhất nên tùy theo nhận thức và điều kiện mà doanh nghiệp áp dụng chế độ kế toán phù hợp. Chính điều này đã làm cho việc tuân thủ và tính hiệu lực của việc áp dụng chế độ kế toán theo quy định là không cao, không kiểm soát được, không có cơ sở để ràng buộc.

- Theo khảo sát từ nhiều nguồn tài liệu, hiện nay chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa chậm thay đổi để phù hợp với yêu cầu đổi mới và phát triển nền kinh tế cũng như yêu cầu hội nhập, do vậy thông tin được xử lý và cung cấp theo quy định của chế độ kế toán này là chưa thỏa mãn và đáp ứng được nhu cầu của người sử dụng. Nhiều

doanh nghiệp tự điều chỉnh chế độ kế toán theo hướng tiếp cận chế độ kế toán được ban hành theo QĐ15 để đảm bảo có được những thông tin cần thiết.

- Cũng từ nhiều nguồn khảo sát cho thấy, chế độ kế toán theo QĐ 48 được xây dựng trên cơ sở gộp lại nhiều tài khoản hoặc bỏ bớt một số tài khoản được thiết kế trong chế độ kế toán theo QĐ15. Việc làm này về hình thức cứ ngỡ rằng đơn giản và giảm bớt khối lượng công việc kế toán, nhưng thật ra hoàn toàn ngược lại với mong muốn của các nhà soạn thảo chế độ kế toán bởi lẽ: gộp lại nhiều tài khoản thành một tài khoản thì đòi hỏi phải mở nhiều mục để chi tiết hóa thông tin theo yêu cầu xử lý và cung cấp thông tin, còn bỏ bớt một số tài khoản thì hoặc không phản ánh đầy đủ các thông tin cần thiết hoặc phải gán ghép vào một tài khoản nào đó để tạo ra thông tin cần thiết. Như vậy, cách thiết kế hệ thống tài khoản như nói trên là thiếu khoa học và thực tiễn.

- Việc xây dựng hệ thống báo cáo tài chính riêng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo tinh thần rút gọn các chỉ tiêu được trình bày là vấn đề có thể chấp nhận với những doanh nghiệp thật sự nhỏ hoặc rất nhỏ, còn với những doanh nghiệp có quy mô vừa thì thông tin cần phải được trình bày một cách cụ thể, rõ ràng, minh bạch vì liên quan đến nhiều đối tượng sử dụng và cũng là nhu cầu thực tế của các nhà quản trị doanh nghiệp. Hơn nữa, doanh nghiệp không nằm yên một chỗ mà luôn có sự vận động, phát triển và thay đổi về quy mô nên hệ thống báo cáo tài chính cần phải được xây dựng chuẩn và trên cơ sở đó sẽ hướng dẫn các doanh nghiệp có những điều chỉnh các chỉ tiêu được trình bày để phù hợp với điều kiện hoạt động và quy mô của doanh nghiệp – đa dạng hóa báo cáo tài chính trên cơ sở hệ thống báo cáo tài chính chuẩn. Cách làm này sẽ tạo nên sự liên thông trong tổ chức thực hiện kế toán một khi doanh nghiệp có sự thay đổi về quy mô hoạt động.

Một vấn đề khác cũng cần được lưu ý là trong hướng dẫn nghiệp vụ và giảng dạy kế toán, việc cùng một lúc tồn tại hai chế độ kế toán áp dụng cho doanh nghiệp sẽ gây ra nhiều lúng túng, khó khăn cho người trình bày và người dạy vì các quy định và hướng dẫn nêu trong chế độ kế toán

không nhất quán, mâu thuẫn hoặc không đảm bảo tính khoa học.

4. Định hướng phát triển

Như đã nói trên, doanh nghiệp ở VN rất đa dạng về quy mô, hình thức sở hữu, lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh nhưng tất cả các hoạt động của các doanh nghiệp đều chịu sự chi phối của Luật doanh nghiệp, Luật thuế,... Và về lĩnh vực chuyên môn kế toán thì chịu sự chi phối của Luật kế toán. Như vậy, về nền tảng pháp lý có thể thấy rằng hoàn toàn không có sự phân biệt giữa các doanh nghiệp có quy mô khác nhau trong vấn đề tổ chức hệ thống kế toán để tạo ra thông tin phục vụ cho các đối tượng sử dụng khác nhau. Vấn đề khác biệt ở đây là do xuất phát từ nhu cầu nội bộ và mối quan hệ giữa doanh nghiệp với các đối tượng sử dụng thông tin ở bên ngoài. Tất nhiên, doanh nghiệp không ngừng phát triển và mối quan hệ trong hoạt động của doanh nghiệp cũng không ngừng thay đổi nên việc xây dựng một nền tảng pháp lý thống nhất để giúp các doanh nghiệp có định hướng và biện pháp tổ chức, thực hiện kế toán có tính ổn định lâu dài phải được xem là một trong những chiến lược để cải cách hệ thống kế toán VN nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển và hội nhập của nền kinh tế.

Theo chúng tôi, để phát triển hệ thống kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp VN thì trong giai đoạn trước mắt cũng như lâu dài cần phải dựa vào những định hướng sau:

(1) Hoàn thiện môi trường pháp lý liên quan đến mọi mặt hoạt động của doanh nghiệp theo hướng thống nhất và ổn định lâu dài trong đó cần nhấn mạnh đến quyền lợi và trách nhiệm trước xã hội của tất cả doanh nghiệp là như nhau.

(2) Sự can thiệp của Nhà nước đến hệ thống kế toán chỉ nên giới hạn trong những vấn đề có ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng thông tin kế toán nhằm bảo vệ quyền lợi cho các đối tượng sử dụng thông tin cũng như yêu cầu kiểm soát của Nhà nước đối với hoạt động của doanh nghiệp.

(3) Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ của hội nghề nghiệp để tạo điều kiện cũng như tăng cường trách nhiệm của hội nghề nghiệp trong việc tư vấn cho cơ quan chức năng của Nhà nước và hỗ trợ cho doanh nghiệp để thực hiện tốt công tác kế

toán theo quy định chung và theo yêu cầu của doanh nghiệp.

Thông tin kế toán giữa doanh nghiệp nhỏ, vừa và lớn có sự khác nhau nhưng nó chỉ có ý nghĩa tương đối trong những giai đoạn nhất định bởi quy mô doanh nghiệp luôn có sự chuyển đổi do sự phát triển. Hơn nữa nhu cầu thông tin không phải là bất biến mà luôn đòi hỏi có những thay đổi để phù hợp với yêu cầu phát triển của nền kinh tế cũng như yêu cầu hội nhập kinh tế ngày càng sâu rộng.

Thực tế cho thấy việc tách bạch giữa chế độ kế toán của doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp nhỏ và vừa là điều không phù hợp cả về mặt khoa học lẫn mặt pháp lý và ứng dụng. Việc phân định có tính chất tách bạch như vậy vừa gây khó khăn cho doanh nghiệp khi áp dụng, khi chuyển đổi và làm cho tính hiệu lực của chế độ kế toán bị ảnh hưởng không tốt.

Do vậy, để tăng cường tính hiệu lực cho chế độ kế toán áp dụng cho doanh nghiệp cũng như tính hữu dụng của thông tin kế toán doanh nghiệp nhằm phục vụ tốt cho các đối tượng sử dụng thông tin thì việc nhất thể hóa hệ thống kế toán doanh nghiệp là một yêu cầu có tính cấp thiết và khách quan.

Thông tin kế toán giữa doanh nghiệp nhỏ, vừa và lớn có sự khác nhau nhưng nó chỉ có ý nghĩa tương đối trong những giai đoạn nhất định bởi quy mô doanh nghiệp luôn có sự chuyển đổi do sự phát triển. Hơn nữa nhu cầu thông tin không phải là bất biến mà luôn đòi hỏi có những thay đổi để phù hợp với yêu cầu phát triển của nền kinh tế cũng như yêu cầu hội nhập kinh tế ngày càng sâu rộng.

Thực tế cho thấy việc tách bạch giữa chế độ kế

toán của doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp nhỏ và vừa là điều không phù hợp cả về mặt khoa học lẫn mặt pháp lý và ứng dụng. Việc phân định có tính chất tách bạch như vậy vừa gây khó khăn cho doanh nghiệp khi áp dụng, khi chuyển đổi và làm cho tính hiệu lực của chế độ kế toán bị ảnh hưởng không tốt.

Do vậy, để tăng cường tính hiệu lực cho chế độ kế toán áp dụng cho doanh nghiệp và tính hữu dụng của thông tin kế toán doanh nghiệp nhằm phục vụ tốt cho các đối tượng sử dụng thông tin thì việc nhất thể hóa hệ thống kế toán doanh nghiệp là một yêu cầu có tính cấp thiết và khách quan■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật kế toán VN.
2. 26 chuẩn mực kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp.
3. Bộ Tài chính, *Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC*.
4. Bộ Tài chính, *Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định 48/2006/QĐ-BTC*.
5. Bộ Tài chính, *Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2005*.
6. PGS.TS Võ Văn Nhị (2008), *Nguyên lý kế toán*.
7. PGS.TS Võ Văn Nhị (2008), *Kế toán tài chính*.
8. Bộ môn KTQT và phân tích hoạt động kinh doanh, Khoa Kế toán- Kiểm toán, Trường Đại học Kinh tế TP.HCM, *Kế toán quản trị*.
9. PGS.TS Võ Văn Nhị, TS. Đoàn Ngọc Quế & ThS. Lý Thị Bích Châu (2006), *Các vấn đề lý luận và thực tiễn ứng dụng báo cáo kế toán doanh nghiệp VN*.

